

Số: 46/KH-TNT

Ea Kar, ngày 24 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025

- Thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh;

- Căn cứ quyết định số 257/QĐ-SGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024- 2025 đối với các trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện;

- Căn cứ Công văn số 537/SGDĐT-GDTrH-GDTX, ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh lớp 10 năm học 2024- 2025;

- Căn cứ vào thực tế về đội ngũ giáo viên, điều kiện CSVC của trường trong năm học 2024 – 2025. Trường THPT Trần Nhân Tông xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và định hướng tư vấn lựa chọn tổ hợp môn cho việc thực hiện chương trình lớp 10 năm học 2024 – 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tuyển sinh học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) vào học trung học phổ thông (THPT), đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

1.2. Thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS).

2. Yêu cầu

2.1. Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT; kết quả tuyển sinh phải đảm bảo chính xác, công bằng và khách quan.

2.2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, xử lý dữ liệu và lưu trữ hồ sơ tuyển sinh; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học, được sự đồng thuận cao của cha mẹ học sinh và toàn xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh và nguyên tắc tính điểm xét tuyển

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh được giao năm học 2024-2025 là: **440** học sinh với **10** lớp 10

1.2. Phương thức tuyển sinh: **xét tuyển**

a) Đăng ký tuyển sinh: Học sinh đăng ký tuyển sinh trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Trung tâm hành chính công tỉnh trong khoảng thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Thí sinh và gia đình chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin đã khai báo. Khi học sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học, nhà trường yêu cầu thí sinh nộp bản chính các loại hồ sơ để đối chiếu.

c) Đối với học sinh cư trú tại huyện EaKar hoặc tốt nghiệp một trường THCS trên địa bàn huyện Eakar có tham gia thi tuyển vào trường THPT công lập, nếu không trúng tuyển được đăng ký thêm 01 nguyện vọng xét tuyển vào trường THPT Trần Nhân Tông.

- Lưu ý: Học sinh trúng tuyển vào trường THPT chuyên biệt thì không được xét tuyển vào trường THPT công lập thi tuyển; học sinh trúng tuyển vào trường thi tuyển thì không được xét vào trường xét tuyển. Địa bàn tuyển sinh của các trường THPT công lập là toàn huyện/thị xã/thành phố nơi học sinh tốt nghiệp THCS hoặc cư trú, vì vậy học sinh phải hết sức cân nhắc trước khi lựa chọn trường để đăng ký phù hợp với năng lực, kết quả học tập, rèn luyện của bản thân và thuận lợi trong việc học tập lên cấp THPT.

1.3. Nguyên tắc tính điểm xét tuyển:

Xét tuyển (xét theo kết quả học tập và hạnh kiểm 4 năm học THCS). Cụ thể:

1.3.1. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh THCS được tính như sau:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8,0 điểm.
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6,0 điểm.
- Các trường hợp còn lại: 5,0 điểm.

1.3.2. Điểm xét tuyển là tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở THCS và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên.

1.3.3. Nguyên tắc xét tuyển: Xét theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm trung bình các môn học cả năm ở lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của môn Toán môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ cả năm ở lớp 9 cao hơn. Nếu vẫn còn trường hợp bằng điểm nhau thì Hội đồng tuyển sinh nhà trường thảo luận để thống nhất quyết định.

2. Địa bàn và tuyển tuyển sinh

Tất cả những học sinh cư trú hoặc tốt nghiệp các trường THCS trong phạm vi toàn huyện EaKar.

3. Hồ sơ tuyển sinh nộp cho nhà trường làm thủ tục nhập học bao gồm:

- a) Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- b) Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời chương trình phổ thông cấp THCS trong năm dự tuyển (bản chính).
- c) Học bạ THCS (bản chính).
- d) Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) (bản chính).

4. Kế hoạch thời gian tuyển sinh

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
1	Trước 25/4/2024	Gửi tờ trình đề nghị Sở GDĐT thành lập Hội đồng tuyển sinh	
2	Trước 03/5/2024	Gửi Kế hoạch tuyển sinh cho Sở GDĐT; phối hợp với các trường THCS trên địa bàn thông báo kế hoạch tuyển sinh.	
3	Dự kiến ngày 09/5/2024	Tập huấn công tác tuyển sinh (<i>Sở GDĐT có kế hoạch riêng</i>)	
4	Từ 20/5/2024- 30/5/2024	Các trường THCS tổ chức cho học sinh nộp hồ sơ trực tuyến	
5	Từ 31/5/2024 đến 01/6/2024	Sở GDĐT phân công các trường THPT kết hợp với các trường THCS đối chiếu hồ sơ đang lưu giữ tại trường THCS và dữ liệu trên hệ thống; thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ, dữ liệu cho học sinh để điều chỉnh trên hệ thống.	
6	Ngày 21/6/2024	Sở GDĐT dự kiến công bố điểm chuẩn và danh sách học sinh trúng tuyển vào trường thi tuyển	
7	Trước ngày 24/6/2024	Hội đồng xét tuyển sinh của các trường tổ chức xét tuyển sinh. Hạn cuối ngày 24/6/2024 phải nộp hồ sơ xét tuyển về Sở GDĐT (qua Phòng GDTrH-GDTrX) để duyệt gồm: Biên bản xét duyệt, tờ trình đề nghị điểm chuẩn và số lượng tuyển sinh	

5. Chế độ tuyển thẳng

Học sinh được tuyển thẳng vào các trường THPT công lập theo phân tuyển trên địa bàn cấp huyện đối với các đối tượng:

- Học sinh trường phổ thông DTNT của huyện, thị xã, thành phố đã tốt nghiệp THCS.

- Học sinh là người dân tộc rất ít người (thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, gồm 16 dân tộc: Công, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chút, Ó Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ).

- Học sinh khuyết tật (có giấy chứng nhận khuyết tật theo Điều 19 của Luật Người khuyết tật năm 2010).

- Học sinh đoạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

Học sinh thuộc diện tuyển thẳng có thể đăng ký dự thi tuyển vào trường tổ chức thi tuyển (nếu có) trên địa bàn cấp huyện; nếu không trúng tuyển thì được xét tuyển thẳng vào trường mà UBND cấp huyện phân tuyển tuyển thẳng.

6. Chế độ ưu tiên

a) Chế độ cộng điểm ưu tiên chỉ áp dụng đối với trường THPT không chuyên. Những học sinh có nhiều chế độ ưu tiên khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại ưu tiên cao nhất.

b) Chế độ cộng điểm ưu tiên thực hiện cho các loại đối tượng tại khoản 2, Điều 7 của Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy định như sau: Nhóm đối tượng 1 cộng 2,0 điểm; Nhóm đối tượng 2 cộng 1,5 điểm và Nhóm đối tượng 3 cộng 1,0 điểm.

c) Đối với quy định người học đang sinh sống, học tập ở các vùng (xã, thôn) có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nếu tại địa bàn sinh sống không có trường THCS, học sinh phải học tập ở địa bàn khác thì vẫn hưởng chế độ ưu tiên. Xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc.

7. Nội dung chương trình và kế hoạch giáo dục cấp THPT năm 2018

7.1. Nội dung giáo dục

a) Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:

Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Lịch sử; GD thể chất; GDQP và AN; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

b) Các môn học lựa chọn gồm:

Địa lí, GD kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật.

Học sinh lựa chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

c) Các chuyên đề học tập:

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho học sinh trung học phổ thông, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi tổ hợp học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Việc xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

7.2. Thời lượng giáo dục

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc (5)	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Lịch sử	52
	Giáo dục thể chất	70
	GDQP và AN	35
Môn học lựa chọn (từ 3 nhóm)		
Nhóm môn khoa học xã hội (2 môn)	Địa lí	70
	GD kinh tế và pháp luật	70
Nhóm môn khoa học tự nhiên (3 môn)	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật (4 môn)	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động GD bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, HN	105
Nội dung GD bắt buộc của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học (trừ các môn học tự chọn)		997
Số tiết học TB/tuần (không kể các môn học tự chọn)		28,5

8. Dự kiến số lớp theo các tổ hợp môn lựa chọn:

Khối	TỔ HỢP	Môn học lựa chọn	Số lớp học	Chuyên đề học tập
Khối 10	TỰ NHIÊN	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	01	Toán, Lý, Hóa
		Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	01	Toán, Sinh, Tin
	XÃ HỘI	Địa lí, Vật lý, Tin học, Công nghệ NN	01	Toán, Văn, Sử
		Địa lí, Vật lý, Sinh học, Công nghệ NN	01	Toán, Văn, Sử
		Địa lí, Vật lý, GDKTPL, Công nghệ NN	01	Toán, Văn, Sử
		Địa lí, GDKTPL, Sinh học, Công nghệ NN	05	Toán, Văn, Sử

9. Cách tổ chức lớp học

Mỗi học sinh đăng ký 1 nguyện vọng về việc chọn tổ hợp môn học. Tùy theo điều kiện thực tế đăng kí, việc bố trí lớp học theo tổ hợp môn có thể có những sự điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và nguồn lực của nhà trường, đảm bảo tạo thuận lợi nhất cho

học sinh và nhà trường để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2024– 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội đồng tuyển sinh lớp 10 Trường THPT Trần Nhân Tông năm học 2024 – 2025 có trách nhiệm tuyên truyền phổ biến kế hoạch tuyển sinh đến toàn thể đối tượng tuyển sinh trong tuyển sinh. Thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Đắk Lắk, sở GDĐT và của huyện Ea Kar.

Kế hoạch và kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2024 – 2025 của trường THPT Trần Nhân Tông được đăng công khai trên trang web nhà trường tại địa chỉ: <http://c3trannhantong.daklak.edu.vn>, trên fanpage nhà trường tại địa chỉ: <https://www.facebook.com/thpttrannhantongekar> và dán công khai trên bảng tin nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh và định hướng tư vấn lựa chọn tổ hợp môn cho việc thực hiện chương trình lớp 10 năm học 2024 – 2025 của trường THPT Trần Nhân Tông. Một số nội dung của kế hoạch có thể được điều chỉnh để phù hợp với nguyện vọng của học sinh sau khi trúng tuyển vào lớp 10 của trường.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT (b/c);
- Các trường THCS (phối hợp);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Hiệu trưởng



Trương Công Hữu